TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 677/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: anh và bà B quen biết, tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Mỹ vào ngày 21/01/2014. Thời gian chung sống được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm không còn, nay anh yêu cầu ly hôn với bà B.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 11/10/2016 hiện đang sống chung với ông Q. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Q xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà B vắng mặt. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà B về nội dung đơn khởi kiện của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Bà B có nơi cư trú tại ấp B, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, trong thời gian không chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, bà B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Q xác định không còn tình cảm với bà B, nếu tiếp tục sống chung thì không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà B cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông Q cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 11/10/2016 hiện đang sống chung với ông Q. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong thời gian cháu M sống với ông Q, cháu được chăm sóc, giáo dục tốt, ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, bà B cũng không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông Q trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: ông Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 249/2014, quyển số 02/2014 ngày 15/8/2014 do UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn Q được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 11/10/2016. Bà Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận ông Nguyễn Văn Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0013400 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông Q đã nộp xong.

Ông Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã K, huyện C, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên